

THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ VÀO TÂY NGUYÊN: TỔNG QUAN MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Trần Hương Giang^{1*}, Mai Lan Phương¹, Hồ Ngọc Ninh²

¹*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Du lịch và Ngoại ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: huonggiang@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 28.02.2023

Ngày chấp nhận đăng: 18.04.2023

TÓM TẮT

Thoát nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số là một trong các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tây Nguyên là vùng có nhiều yếu tố thu hút luồng di cư tự do cao, kéo theo nhiều vấn đề, đặc biệt là đói nghèo. Mục đích của nghiên cứu này nhằm hệ thống những lý luận và thực tiễn về giải pháp thoát nghèo cho người dân tộc thiểu số di cư vào Tây Nguyên. Thông qua tổng quan các nghiên cứu trong nước và quốc tế, kết quả nghiên cứu đã khái quát một số lý luận về thoát nghèo bền vững cho người dân tộc thiểu số di cư. Từ đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc điều chỉnh và đề xuất hoàn thiện giải pháp, chính sách giảm nghèo bền vững cho dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Từ khoá: Thoát nghèo, giải pháp thoát nghèo bền vững, dân tộc thiểu số di cư, lý luận.

Sustainable Poverty Reduction for Ethnic Minority Migrants to the Central Highlands: A review on some Theoretical and Practical Issues

ABSTRACT

The Party and State aim to improve the material and spiritual life of ethnic minorities by promoting sustainable poverty alleviation in their communities. However, the Central Highlands region has witnessed a high influx of free migration, which has exacerbated poverty-related issues. Thus, this study sought to examine existing theories and practices that address poverty reduction among ethnic minorities migrating to the Central Highlands. Through a review of domestic and international studies, the research results have generalized some theories on sustainable poverty alleviation for ethnic minority migrants. By doing so, we can provide a scientific basis for refining and enhancing sustainable poverty reduction policies that cater to the unique needs of ethnic minorities in the Central Highlands.

Keywords: Poverty alleviation, sustainable poverty alleviation, ethnic minorities, free migration, theories.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đói nghèo vẫn luôn là vấn đề cấp bách của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Mỗi quốc gia muốn thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững thì không thể không giải quyết vấn đề đói nghèo (Peer, 2013). Hơn 30 năm đổi mới và phát triển, Chính phủ Việt Nam đã có những phương hướng và nhiều dự án, giải pháp nhằm giảm tỷ lệ nghèo xuống mức thấp nhất (WB, 2012). Đặc biệt, vấn đề giảm nghèo đói cho

đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) là một thách thức vô cùng lớn đối với Việt Nam, nên nó đã trở thành mục ưu tiên hàng đầu trong các chính sách về giảm nghèo.

Mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển, nhưng vùng DTTS vẫn phát triển chậm hơn sự phát triển chung của đất nước. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (WB, 2018), vẫn có khoảng 50% DTTS là người nghèo. Các hộ gia đình DTTS đang gặp phải rất nhiều bất lợi và rào cản trong việc tiếp cận các điều kiện cần thiết cho phát triển như giáo dục y tế, vốn,

thị trường và đất nông nghiệp (Baulch & Vu Hoang Dat, 2012). Điều kiện nhà ở, vệ sinh và nước sạch của đồng bào DTTS cũng kém hơn nhiều so với dân tộc Kinh và một số dân tộc lớn khác (Lê Du Phong & cs., 2009).

Di cư là một phần không thể thiếu và có những tác động lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế. Theo Báo cáo di cư quốc tế (2022) của Tổ chức Di cư thế giới, năm 2020 thế giới có khoảng 281 triệu người di cư quốc tế, chiếm 3,6% dân số toàn cầu. Di cư trong nước là một quá trình khó khăn để định lượng so sánh giữa các quốc gia, tuy nhiên ở 61 quốc gia có dữ liệu so sánh, có tới 20% dân số đã thay đổi nơi cư trú trong những năm trước đó (Bernard & Perales, 2021). Cùng với di cư quốc tế, di cư trong nước là tác nhân giúp phân bố lại dân số giữa các khu vực (Agza, 2021) và tạo điều kiện cho các cá nhân theo đuổi mục tiêu, nguyện vọng cũng như mang kiến thức kỹ năng đến nhiều khu vực khác nhau từ đó tạo nền tảng cho sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế (McCarthy & cs., 2006). De Haan (2007) đã kết luận rằng số lượng di cư của người dân càng gia tăng thì kéo theo các hoạt động sinh kế của người dân càng phong phú. Di cư có thể cải thiện thu nhập của người di cư, góp phần xoá đói giảm nghèo và giảm chênh lệch giữa thành thị và nông thôn (Stark, 1991). Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng, di cư tác động đến giảm nghèo thông qua tiền gửi và ảnh hưởng của người di cư quay về (Zhao, 2002; Du & cs., 2005). Di cư có thể trực tiếp hay gián tiếp làm tăng thu nhập và tiêu dùng trong khu vực quê hương, đồng thời nếu gia đình người di cư nhận được một số tiền gửi về cũng sẽ giảm nghèo ở khu vực quê hương; đồng thời sự bất bình đẳng cũng giảm (Nguyen & cs., 2011). Tuy nhiên theo Farring & Slater (2006), người di cư có thể không có thu nhập cao hơn nếu họ không nỗ lực làm việc. Hơn nữa di dân tự phát có thể mang đến những tác động tiêu cực như làm ảnh hưởng đời sống người dân sở tại, gia tăng nghèo đói và gây áp lực cho chính quyền địa phương (Ivan, 2008).

Tây Nguyên là địa bàn cư trú của 47 dân tộc anh em; trong đó, người DTTS chiếm khoảng 37% số dân, với truyền thống văn hóa độc đáo;

có nhiều tiềm năng to lớn về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc... (Nguyễn Văn Dư, 2018). Tây Nguyên cũng một trong các vùng thụ hưởng quan trọng của rất nhiều chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án của quốc tế, đặc biệt về giảm nghèo, kết cấu hạ tầng nông thôn và định canh định cư cho đồng bào DTTS. Nhờ đó kinh tế vùng Tây Nguyên đã chuyển dịch mạnh mẽ, đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã cải thiện. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khác nhau, so với các vùng khác trong cả nước, điều kiện kinh tế - xã hội của Tây Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn (Lê Du Phong & cs., 2009). Đặc biệt là kết quả giảm nghèo cho nhóm DTTS Tây Nguyên còn chưa bền vững, kết quả giảm nghèo chậm dần, đa số hộ thoát nghèo đều đứng trước nguy cơ tái nghèo cao (Hà Hùng, 2014). Đây cũng là vùng có mật độ dân số thấp, do đó là một trong những yếu tố thu hút các luồng di cư. Theo Đặng Nguyên Anh (2015), biến động dân số vùng Tây Nguyên chủ yếu qua di cư. Bên cạnh việc hình thành các khu vực dân cư mới, giảm sức ép cho các khu vực đông dân hay chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân thì di dân vẫn có nảy sinh nhiều vấn đề, đó là diện tích canh tác bị thu hẹp, gây sức ép sinh kế đối với bộ phận các dân tộc tại chỗ, xung đột tranh chấp của DTTS di cư đến với dân tộc bản địa; phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng gia tăng chất lượng sống (tỷ lệ tái nghèo cao, tốc độ giảm nghèo chưa ổn định) và ảnh hưởng đến phát triển bền vững, môi trường sinh thái (Đặng Nguyên Anh, 2015; Hue Thi Hoang & cs., 2022). Vì vậy, việc nghiên cứu để tìm ra các giải pháp giảm nghèo bền vững cho vùng DTTS di cư đến Tây Nguyên là thực sự cần thiết.

Thực tế đã có nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận với đói nghèo vùng DTTS. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá tình trạng nghèo nói chung trên phạm vi toàn quốc và ít đề cập đến giảm nghèo đối với DTSS di cư. Mục đích của nghiên cứu này nhằm tổng quan những lý luận và thực tiễn về giải pháp thoát nghèo cho người DTSS di cư đến Tây Nguyên, từ đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc điều chỉnh và đề xuất hoàn thiện giải pháp, chính sách giảm nghèo bền vững cho DTTS ở

Tây Nguyên. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk study), phương pháp tổng hợp, kế thừa từ những nguồn thứ cấp được công bố qua các tài liệu như sách, tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo và văn bản pháp quy liên quan.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP THOÁT NGHÈO CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ

Quan niệm “Nghèo đói” có sự thay đổi theo thời gian. Nếu như trước đây, sự thiếu ăn được coi là tiêu chí cơ bản để phân biệt hộ nghèo, thì sau này, tiêu chí đánh giá nghèo được chuyển từ không an ninh về lương thực sang không an ninh về dinh dưỡng, nghèo thiếu ăn sang thiếu thu nhập. Trong những năm gần đây, quan niệm nghèo được đánh giá theo cách tiếp cận mới đó là “Nghèo đa chiều”, “Nghèo” không chỉ được xem xét trên phương diện thu nhập mà còn tiếp cận đến nhu cầu cơ bản về ăn, ở, khám chữa bệnh, giáo dục và ý chí vươn lên thoát nghèo. Theo Liên hợp quốc (2008): “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa sự không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn”. Ngân hàng châu Á (2004) đưa ra quan niệm nghèo là “tình trạng thiếu những tài sản cơ bản và cơ hội mà mỗi con người có quyền được hưởng”. Theo Sen (1997), con người sống dưới mức tối thiểu của nhu cầu vật chất và tinh thần là sống trong nghèo đói. Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, nhà chính trị và học giả cho rằng *nghèo là một hiện tượng đa chiều, tình trạng nghèo cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt, không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người.*

“*Dân tộc thiểu số*” là một khái niệm khoa học được sử dụng phổ biến trên thế giới hiện

nay. Các học giả phương Tây quan niệm rằng, đây là một thuật ngữ chuyên ngành dân tộc học (minority ethnic) dùng để chỉ những dân tộc có dân số ít (Lê Du Phong & cs., 2009). Trên thực tế, khái niệm “dân tộc thiểu số” chỉ có ý nghĩa biểu thị tương quan về dân số trong một quốc gia đa dân tộc. Đối với Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc thành viên, với khoảng trên 90 triệu người, trong đó dân tộc Việt (Kinh) chiếm khoảng 86% dân số, được quan niệm là “dân tộc đa số”, 53 dân tộc còn lại được quan niệm là “dân tộc thiểu số” trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Di cư có thể hiểu là sự chuyển dịch của con người từ một đơn vị lãnh thổ này đến một đơn vị lãnh thổ khác trong thời gian nhất định kèm theo sự thay đổi nơi cư trú tạm thời hay vĩnh viễn (Đỗ Văn Hoà & Trịnh Khắc Thẩm, 1999). Quan điểm về di dân: (i) Di dân là khái niệm chỉ hiện tượng chuyển dịch chỗ ở của dân cư từ lãnh thổ hành chính này đến lãnh thổ hành chính khác (IOM, 2011); (ii) Di dân là hiện tượng kinh tế - xã hội khách quan của xã hội loài người (Haan, 2000) và (iii) Di dân rất đa dạng về hình thức, quy mô, tính chất và thời gian và mang đến nhiều tác động, cả tích cực và tiêu cực đối với kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái trên các phạm vi khác nhau (Đàm Thị Hệ, 2017). Trong nghiên cứu này, di cư được hiểu là hiện tượng kinh tế xã hội chỉ sự dịch chuyển của con người từ lãnh thổ này sang lãnh thổ khác và mang đến nhiều tác động tích cực và tiêu cực với kinh tế xã hội, quốc phòng và môi trường. Từ đó, “*Dân tộc thiểu số di cư*” dùng để chỉ sự dịch chuyển của những người, nhóm dân tộc thiểu số từ khu vực này đến một vùng lãnh thổ mới trong một khoảng thời gian nhất định. Phần lớn sự di cư này vì lý do kinh tế và không nằm trong chương trình di cư của Chính phủ (United Nation, 2010).

Xoá đói giảm nghèo là quá trình liên quan đến việc cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống về mọi mặt của một nhóm dân cư, do đó đây là quá trình cần sự tham gia và cố gắng của rất nhiều đối tượng (Nguyễn Văn Dư, 2018). Thoát nghèo được hiểu khi hộ đang là hộ nghèo theo chuẩn nghèo, có được thu nhập bình quân đầu

người cao hơn mức nghèo theo chuẩn nghèo cho từng khu vực và trong từng giai đoạn khác nhau. Do đó, ngay kể cả khi thoát nghèo, nếu không duy trì được sự phát triển bền vững, các đối tượng này có thể rơi vào tình trạng đói nghèo (Anirudh, 2004).

Từ những kiến thức về nghèo và giảm nghèo, giải pháp giảm nghèo cho hộ dân là những cách thức và hành động thực tế để hỗ trợ cộng đồng và hộ dân nghèo từng bước thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo, xây dựng các địa phương trở nên no ấm và hạnh phúc. Một số giải pháp như: Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập; Tăng cường các chính sách trợ giúp để cải thiện điều kiện sống cho hộ dân nghèo ở nông thôn; Hỗ trợ cộng đồng nông thôn trong xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Gắn các hoạt động giảm nghèo với chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong các đối tượng can thiệp giảm nghèo, nhóm hộ nghèo DTTS là những đối tượng ưu tiên của phần lớn các chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Đặc biệt đối với các đối tượng là người DTTS di cư, các nhóm chính sách giảm nghèo gắn kết di cư và giảm nghèo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhóm, bao gồm các chính sách làm tăng khả năng di cư của người nghèo và các nhóm chính sách nhằm tăng cường lợi ích và hạn chế tác động tiêu cực từ di cư (Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019). Vì vậy, giải pháp thoát nghèo bền vững cho người DTTS di cư là những phương pháp, cách can thiệp và tác động quan trọng nhằm tập trung thoát nghèo cho người DTTS di cư.

3. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ VÀO TÂY NGUYÊN

Mối quan hệ giữa di cư và giảm nghèo phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh (De Haan & Yaqub, 2010), cụ thể là đặc điểm của hộ di cư. Quyết định di cư của hộ DTTS di cư phụ thuộc vào rất nhiều nguyên nhân khác nhau, chủ yếu ở ý chí muốn thay đổi số phận do nguồn lực sinh kế cạn kiệt, đời sống khó khăn (UNDP, 2014; Đặng Nguyên Anh, 2015). Từ tổng quan các nghiên cứu, bản chất của vấn đề về di cư của người DTTS có thể thấy một số đặc điểm của

người DTTS di cư bao gồm: phần lớn là các hộ nghèo, trình độ thấp, thiếu thốn nguồn lực sinh kế, khả năng sản xuất và hoạt động canh tác, điều kiện sống, điều kiện dịch vụ tối thiểu còn khó khăn (nhà ở, nước sạch, giáo dục, y tế,...), và cuối cùng là quan hệ gia đình, dòng tộc và phong tục tập quán tôn giáo.

Di cư tự do đến Tây Nguyên chủ yếu là người DTTS phía Bắc, trong đó theo thống kê của Ban chỉ đạo Tây Nguyên, tính từ năm 2005 đến 2017, tổng số DTTS di cư tự do đến địa bàn vào khoảng 25.732 hộ, với 91.703 khẩu và chủ yếu là đồng bào DTTS miền núi phía Bắc (Tày, Nùng, Mông, Dao) (Hà Việt Hùng, 2019). Họ di cư đến Tây Nguyên mang theo khát vọng đổi đời do vốn là những hộ gia đình kinh tế khó khăn, trình độ thấp (tỷ lệ mù chữ 26,6%; 90% lực lượng lao động không có trình độ chuyên môn) (Nguyễn Đình Tấn, 2020). Bên cạnh đó, Đặng Nguyên Anh (2015) còn chỉ ra rằng DCTD vào Tây Nguyên diễn ra có quy mô, được tổ chức chặt chẽ và bị chi phối bởi tín ngưỡng tôn giáo (87% người H'Mông di cư đều theo đạo Tin lành) và có cùng quan hệ dòng tộc (chiếm 59,1% người DCTD) hoặc là hàng xóm (chiếm 25,3%).

4. VAI TRÒ CỦA GIẢI PHÁP THOÁT NGHÈO CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ VÀO TÂY NGUYÊN

Giảm nghèo cho các hộ dân là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có tác động rất lớn trong phát triển kinh tế xã hội. Giải pháp giảm nghèo cho hộ dân có những vai trò chủ yếu sau (Chu Tiến Quang, 2011; Hồ Ngọc Ninh & cs., 2022): mang lại lợi ích thiết thực cho người nghèo, nâng cao lòng tin của họ đối với đất nước và xã hội; góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương ổn định, bền vững giảm cách biệt nông thôn - thành thị; nâng cao thu nhập bình quân đầu người của địa phương, giảm tỷ lệ hộ nghèo tiến tới xóa hết tỷ lệ hộ nghèo, xây dựng một xã hội giàu mạnh công bằng, văn minh, giảm thiểu khoảng cách giàu nghèo trong cộng đồng; thực hiện thành công phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại và thực hiện thành công công nghiệp hóa đất nước.

Bảng 1. Đặc điểm của người Dân tộc thiểu số di cư (2023)

Chỉ tiêu	Tác giả
Nghèo, thiếu thốn các nguồn lực sinh kế (đất sản xuất, vốn, trình độ kỹ năng thấp)	Stark & cs. (1991); Taylor (1992); Katsushi & cs. (2011); Bob (2010); Võ Thị Mai Phương & cs. (2018); Đàm Thị Hệ (2017); The Conference teams (2022)
Khả năng sản xuất và hoạt động canh tác yếu kém lạc hậu	McCarthy & cs. (2006); Huỳnh Thu Ba (1998); Đàm Thị Hệ (2017); Hà Việt Hùng (2019);
Điều kiện sống, dịch vụ xã hội tối thiểu khó khăn (nhà ở, nước sạch, giáo dục, y tế,...)	Võ Thị Mai Phương & cs. (2018); Nguyễn Đình Tấn (2020); Coxhead & cs. (2015); Đăng Nguyên Anh (2012); Alexandra Winkel (2014);
Quan hệ dòng tộc, gia đình và phong tục tập quán tôn giáo	Nguyễn Đình Tấn (2020); Hà Việt Hùng (2019); Võ Thị Mai Phương & cs. (2018) (Vũ Trường Giang (2016); Đậu Tuấn Nam (2013)

Bên cạnh đó, đối với đối tượng người DTTS di cư, đặc biệt người DTTS di cư vào Tây Nguyên, các chính sách giải pháp thoát nghèo đóng vai trò quan trọng đối với sinh kế (Đàm Thị Hệ, 2017). Di cư tự do một mặt có những tác động tích cực đối với vấn đề phân bố lại lao động và dân cư, đa dạng hóa sinh kế, đặc biệt là cho người nghèo, mặt khác di cư tự do (DCTD) kéo theo một loạt tác động tiêu cực đối với tài nguyên, môi trường, xã hội... (Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019; Hue Thi Hoang & cs., 2021). Muốn giải quyết được những tác động tiêu cực này, cần thiết phải giúp cho những hộ DCTD nhanh chóng có được sinh kế để tồn tại và từng bước phát triển (Đăng Nguyên Anh, 2015). Phần lớn dân di cư tự do sống tự phát, không tập trung, ở các vùng sâu xa, thường là các hộ nghèo, hạn chế về nhận thức, trình độ, thiếu kiến thức và tay nghề, thiếu các nguồn lực sinh kế và xã hội (Hà Việt Hùng, 2019). Những vấn đề này tạo nên xung đột gây mất ổn định chính trị, an ninh của địa phương. Từ thực trạng trên, việc giúp đỡ của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và cộng đồng trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt thực hiện các chính sách giảm nghèo là cần thiết đối với các địa phương có người DTTS di cư đến trong bối cảnh hiện nay (Đàm Thị Hệ, 2017). Các giải pháp định canh định cư và thoát nghèo sẽ giúp cho người DTTS di cư có thể ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, từ đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, chính trị và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn (Nguyễn Thu Trang, 2022).

5. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THOÁT NGHÈO CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ VÀO TÂY NGUYÊN

Đối với người DTTS di cư, về cơ bản, chính sách giảm nghèo được lồng ghép với chính sách di dân trong thực hiện các chương trình dự án liên quan đến giảm nghèo cho người DTTS. Đồng bào dân tộc thiểu số là những người dễ bị tổn thương, trình độ dân trí chưa cao, họ dễ bị lôi cuốn vào những hành vi trái pháp luật của những thế lực thù địch trong và ngoài nước. Việc Nhà nước đề xuất ra các chính sách quan tâm, hỗ trợ cho đồng bào là vô cùng cần thiết. Các chính sách giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ như: đầu tư hạ tầng đối với Chương trình 30a, Chương trình 135, chính sách giáo dục và đào tạo, y tế, tín dụng hộ nghèo, nhân rộng mô hình giảm nghèo, dạy nghề (Hồ Ngọc Ninh & cs., 2022). Thông qua các chương trình, dự án về định canh định cư, giảm thiểu hình thức di dân tự do kết hợp giảm nghèo đã để lại nhiều kết quả ấn tượng (Nguyễn Đình Tấn, 2020).

Các nhóm chính sách gắn kết di cư trong nước và giảm nghèo cho người DTTS có thể chia thành hai nhóm: nhóm chính sách làm tăng khả năng di cư của người nghèo và nhóm chính sách làm tăng cường lợi ích và hạn chế tác động tiêu cực từ di cư trong nước đến giảm nghèo (Đình Quang Hà, 2013; Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019).

Thứ nhất, nhóm chính sách làm tăng khả năng di cư của người nghèo. Để làm tăng khả năng di cư của người nghèo, vốn nhân lực và vốn tài chính chính là những vấn đề trực tiếp.

Đối với người nghèo, trình độ giáo dục thấp sẽ làm giảm khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, từ đó giảm lợi ích từ di cư (Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019). Do đó, chính sách nâng cao vốn nhân lực cho người nghèo sẽ làm tăng khả năng có việc làm, nâng cao thu nhập. Hiện nay các nhóm chính sách liên quan có thể kể đến là: hỗ trợ trực tiếp cho người đi học; tín dụng giáo dục; cử tuyển; thu hút giáo viên về các vùng khó khăn; giáo dục song ngữ cho trẻ em DTTS; đầu tư CHST cho giáo dục (Hồ Ngọc Ninh & cs., 2022). Về vốn tài chính, người nghèo có thể không di cư được do không đáp ứng được chi phí cho di cư (Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019) hoặc là nguyên nhân chính để di cư tự do tìm vùng đất mới (Hà Việt Hùng, 2019). Việc hỗ trợ vốn tài chính ở đây là tăng khả năng tiếp cận vốn vay ưu đãi của Nhà nước để phát triển sản xuất, tạo việc làm, cải thiện đời sống vươn lên thoát nghèo. Ngoài ra, các chính sách về di cư, tái định cư cũng ảnh hưởng đến quyết định di cư của người nghèo (Nguyễn Đình Tấn, 2020).

Thứ hai, nhóm chính sách nhằm tăng cường lợi ích và hạn chế các tác động tiêu cực từ di cư đến giảm nghèo. Các tác động tích cực của di cư bao gồm tăng cơ hội cải thiện thu nhập, đa dạng sinh kế và từ đó giảm nghèo cho bản thân, gia đình (McCarthy & cs., 2006) và bổ sung cho các địa phương một lực lượng lao động dồi dào, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đa dạng hoá văn hoá (Nguyễn Thu Trang, 2022). Bên cạnh đó, Võ Thị Thanh Tâm & cs. (2018) đã chỉ ra các vấn đề của di cư tự do đối với DTTS: di cư làm đảo lộn các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội tại các địa phương; ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; làm gia tăng tỉ lệ nghèo đói của địa phương bởi vì phần lớn họ là những người đói nghèo, có đời sống khó khăn trước khi di cư. Vì vậy, để tăng cường lợi ích và hạn chế tiêu cực, một số nhóm chính sách có thể kể đến như chính sách về hỗ trợ đất sản xuất; chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm; chính sách bảo hiểm xã hội và chính sách dịch vụ xã hội cơ bản và các chính sách trợ giúp xã hội (Hồ Ngọc Ninh & cs., 2022). Các chính sách này tác động trực tiếp đến tiếp cận nghèo đa chiều ở các vùng, nếu người di cư cũng được

hưởng các lợi ích của chính sách này thì hiện tượng nghèo liên quan đến di cư sẽ giảm xuống, tăng cường lợi ích giảm nghèo (Nguyễn Thị Hoài Thu, 2019).

Tây Nguyên có 5 tỉnh thì tất cả đều là điểm nóng của di cư tự do. Theo thống kê của Ban chỉ đạo Tây Nguyên, tổng số dân DCTD tỉnh Kon Tum có 7.243 hộ, với 21.708 khẩu; tỉnh Gia Lai 6.250 hộ, với 23.624 khẩu; tỉnh Đắk Nông 5.391 hộ, với 8.038 khẩu; tỉnh Lâm Đồng 3.862 hộ, với 14.639 khẩu và tỉnh Đắk Lắk 2.986 hộ, với 8.038 khẩu. Người DTTS di cư vào Tây Nguyên do sự nghèo khó tại nơi di cư đi và mong muốn thay đổi sinh kế tại vùng đất mới phì nhiêu và rộng lớn như Tây Nguyên, tuy nhiên nhiều hộ di cư vẫn tiếp tục rơi vào cảnh khó khăn (Hà Hùng, 2014). Số liệu thống kê cũng cho thấy trên địa bàn Tây Nguyên hiện còn 11.642 hộ DCTD chưa được bố trí, sắp xếp ổn định vào các vùng dự án. Đời sống của các hộ dân gặp nhiều khó khăn, phần lớn chưa có hộ khẩu cho nên chưa được hưởng các chính sách an sinh xã hội; thiếu đất ở, đất sản xuất, thiếu nước và điện sinh hoạt, nơi ở tạm bợ, không ổn định, chưa có việc làm; tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về trật tự, trị an. Hoạt động sinh kế của các hộ DCTD tại Tây Nguyên còn đơn điệu, chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp theo nghiên cứu của Đàm Thị Hệ (2017). Thu nhập bình quân chung của các hộ DTTS di cư đạt khoảng 24,2 triệu đồng/năm, nếu chia ra số nhân khẩu bình quân 5-6 người trên 1 hộ thì tương đương 361 nghìn đồng/người/tháng, xấp xỉ mức chuẩn nghèo hiện nay (Đàm Thị Hệ, 2017). Kết quả rà soát hộ nghèo năm 2016 của các tỉnh Tây Nguyên, tỉ lệ hộ nghèo của DTTS di cư lên đến 61%. Các tỉnh Tây Nguyên đã có nhiều kế hoạch và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để ổn định, bố trí sắp xếp lại và giảm nghèo cho người DTTS di cư. Nhiều nghiên cứu đã đề cập đến giải pháp thoát nghèo cho người DTTS di cư đến Tây Nguyên như tác giả Hà Hùng (2014) đã chỉ ra một số nhóm giải pháp xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế vùng dân tộc Tây Nguyên bao gồm nhóm giải pháp nâng cao năng lực (xây dựng năng lực con người Tây Nguyên đủ khả năng thực hiện xoá đói giảm nghèo, nâng cao năng

lực cán bộ và người dân địa phương, tạo điều kiện để DTTS tại chỗ và dân tộc di cư đến học hỏi lẫn nhau trong xóa đói giảm nghèo); nhóm giải pháp phát triển sản xuất (tăng vốn phát triển cơ sở hạ tầng, khắc phục tình trạng thiếu đất, khắc phục tình trạng thiếu nước, xây dựng mô hình kinh tế hộ) và nhóm giải pháp xã hội (khắc phục tác động tiêu cực của di cư tự do, phát huy vai trò của bộ máy chính quyền địa phương, tranh thủ hợp tác và ủng hộ của các già làng). Đặc biệt đối với đối tượng là người DTTS di cư, một số nghiên cứu đã đưa ra giải pháp tập trung vào xây dựng các mục tiêu chính sách về giáo dục để giúp người DTTS nâng cao năng lực trình độ để ổn định sinh kế (Hà Việt Hùng, 2019; Võ Mai Phương & cs., 2018) và các giải pháp về đổi mới nhận thức di dân và chính sách di dân tại Tây Nguyên, tạo điều kiện ổn định đời sống và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người di cư tại nơi đến, hơn nữa cần thành lập các cơ quan chuyên trách về di dân (Đặng Nguyên Anh, 2015). Đàm Thị Hệ (2017) trong nghiên cứu về sinh kế đối với người DTTS di cư đến Đắk Nông đã đưa ra các giải pháp cụ thể để phát triển sinh kế cho người DTTS di cư bao gồm: tăng cường nâng cao nhận thức và công tác tuyên truyền; hoàn thiện công tác quy hoạch, kế hoạch gắn với người DTTS di cư; hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người DTTS di cư; Tăng cường liên kết và thúc đẩy phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực cho các hộ DCTD; Phát triển đa dạng hóa các hoạt động sinh kế cho các hộ dân DCTD; Tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền nơi đi và nơi đến của hộ nông dân DCTD.

Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho người DTTS di cư vào Tây Nguyên đã mang đến nhiều cải thiện cho người DTTS di cư, trong đó tập trung vào các kết quả về cải thiện mức sống, kết nối giao thông, tiếp cận các dịch vụ công cộng (giáo dục và y tế), điều kiện nhà ở và tiếp cận các tiện ích công cộng (điện, nước sạch, thông tin) (Hồ Ngọc Ninh & cs., 2022). Tuy nhiên, có thể thấy rõ rằng các chính sách chưa chú ý nhiều đến phát triển văn hoá, phát huy tiếng nói và tăng sự tham gia đóng góp của người

DTTS Tây Nguyên. Nhiều chính sách đã không tiếp cận bỏ qua tầm quan trọng của truyền thống tôn giáo của người DTTS (CIRUM, 2011). Ngoài ra một số tổ chức quốc tế, chính phủ cũng nhận ra rằng nhiều chương trình được thực hiện từ trên xuống, không dựa trên sự hiểu biết đầy đủ về văn hoá, tôn giáo của người DTTS. Một số chương trình, dự án trợ cấp không có quyền tự quyết của người DTTS, do đó, kết quả thực hiện không đầy đủ và còn thiếu hiệu quả (Benjamin & cs., 2018).

6. YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI PHÁP THOÁT NGHÈO CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ VÀO TÂY NGUYÊN

Tuỳ theo cách tiếp cận và mục đích nghiên cứu mà có nhiều ý kiến về yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện giải pháp thoát nghèo cho người DTTS di cư. Quan điểm của Đặng Nguyên Anh (2015), Đàm Thị Hệ (2017), Phạm Bảo Dương (2012), Trần Đình Thao (2020) đều cho rằng có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thoát nghèo cho người DTTS di cư. Tuy nhiên, có thể khái quát các yếu tố thành một số yếu tố sau:

Thứ nhất liên quan đến quá trình hoạch định chính sách và bản chất của chính sách giảm nghèo có ảnh hưởng lớn đến hiệu lực, hiệu quả và tác động của chính sách và chương trình tới giảm nghèo. Sự chồng chéo giữa các chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, sự không thống nhất và đồng bộ giữa các chính sách làm giảm hiệu quả của chính sách xóa đói giảm nghèo. Đặc biệt đối với các hộ di cư, Đảng và Nhà nước cũng có nhiều chính sách, chủ trương liên quan như chính sách ruộng đất, chính sách vay vốn, chính sách đối với đồng bào đi xây dựng cùng kinh tế mới,... cũng có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, ổn định đời sống của người DTTS di cư.

Thứ hai, tình hình thực thi các chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo và ổn định di cư, cụ thể là cơ chế phân cấp, phối hợp và năng lực của cán bộ trong triển khai thực hiện chương trình ảnh hưởng đến hiệu quả của các chương trình xóa đói giảm nghèo. Tất cả những yếu tố trên nếu được cải thiện sẽ làm tăng hiệu quả của các chương trình xóa đói giảm nghèo.

Yếu tố thứ ba liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng tới tình hình nghèo đói và mức độ giảm nghèo cũng như quyết định di cư. Đa phần đồng bào DTTS di cư đến Tây Nguyên chủ yếu ở vùng có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, đất đai bị xói mòn, cằn cỗi và nghèo đói, lạc hậu.

Yếu tố thứ tư liên quan đến chủ thể tiếp nhận các giải pháp thoát nghèo. Các nguồn lực về con người như kỹ năng, kiến thức, năng lực lao động, nguồn lực tài chính, vật chất và nguồn vốn xã hội ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các giải pháp giảm nghèo, di cư. Tâm lý ỷ lại của người DTTS di cư, thiếu hiểu biết, nhận thức kém, tập quán thói quen lạc hậu đã ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe của người nghèo, kéo theo

nhiều tác động của vấn đề di cư tại địa phương nơi đến.

7. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Để thoát nghèo bền vững cho người DTTS di cư vào Tây Nguyên, từ những tổng hợp và phân tích các vấn đề liên quan có thể gợi ý một vài hàm ý giải pháp thoát nghèo bền vững cho người DTTS như sau:

Đầu tư vào hạ tầng và kinh tế địa phương: Chính phủ và các tổ chức hỗ trợ nên đầu tư vào hạ tầng cơ sở, đặc biệt là giao thông và điện lực, các khu tái định cư, để có thể ổn định phát triển kinh tế và thu hút đầu tư. Các chương trình tín dụng như cho vay không lãi suất hoặc có lãi suất thấp cũng có thể được triển khai để hỗ trợ các hoạt động sản xuất và kinh doanh của người dân.

Bảng 2. Khung chính sách giảm nghèo cho người DTTS di cư

Các nghị quyết chính	Các gói chính sách	Các chương trình chính	Các Nghị định và Quyết định chính
<p>Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030</p> <p>Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực DTTS 2016-2020, định hướng 2030</p> <p>Ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường</p> <p>Giảm nghèo bền vững thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025</p>	<p>Phát triển sinh kế và giảm nghèo</p> <p>Phát triển nguồn nhân lực</p> <p>Phát triển văn hoá - đời sống</p> <p>Phát triển cơ sở hạ tầng</p> <p>Ứng dụng khoa học công nghệ</p> <p>Ổn định di cư tự do</p>	<p>Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững 2016-2020</p> <p>Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo 134, 135 pha 1 & 2, 30a</p> <p>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025</p>	<p>Công tác dân tộc</p> <p>Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020</p> <p>Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025</p> <p>Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo xã nghèo, thôn, bản ĐBKK giai đoạn 2016-2020</p> <p>Chính phủ về ban hành chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020</p> <p>Chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ</p> <p>Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn</p> <p>Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"</p> <p>Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019- 2025</p>
			<p>Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020</p> <p>Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới</p> <p>Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến 2020</p> <p>Đề án Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng DTTS</p> <p>Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS 2018-2025</p> <p>Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030</p> <p>Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào Dân tộc thiểu số</p> <p>Kế hoạch định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012</p>

Bảng 3. Tác động của các chính sách giảm nghèo bền vững cho DTTS di cư (2023)

Nhóm chính sách	Mục tiêu, kết quả chính sách				
	Cải thiện điều kiện sống và nâng cao chất lượng cuộc sống	Tăng cường năng lực và khả năng sản xuất, nâng cao thu nhập	Xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng (giáo dục, y tế, truyền thông, thông tin, giao thông,...)	Bảo vệ phát triển văn hoá, truyền thống và tôn giáo	Kết nối thị trường
Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo					
Hỗ trợ cơ sở hạ tầng	++	+	++	+	+
Hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hoá sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo	++	++	+		+
Hỗ trợ xuất khẩu lao động	+	++			+
Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	+		++		+
Nhóm chính sách về giảm nghèo					
Chính sách ưu đãi tín dụng	+	++	++		+
Chính sách hỗ trợ đất sản xuất	++	++	+		
Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm	+	++			+
Chính sách hỗ trợ giáo dục	+	++	++		+
Chính sách hỗ trợ y tế	+		++		
Chính sách hỗ trợ nhà ở	++		++		
Chính sách hỗ trợ tiền điện	+		++		
Chính sách trợ giúp pháp lý	+		++		+

Ghi chú: ++: Tác động trực tiếp; +: Tác động gián tiếp.

Đào tạo và giáo dục: Ngoài việc cung cấp các chương trình đào tạo và giáo dục cơ bản, cần có các chương trình đào tạo và hỗ trợ để giúp người dân tộc thiểu số di cư có thể học các kỹ năng cần thiết cho việc làm và sản xuất. Nếu người dân có trình độ cao hơn, họ sẽ có nhiều cơ hội hơn để tìm kiếm việc làm tốt hơn và tăng thu nhập.

Tạo cơ hội việc làm: Chính phủ và các tổ chức khác có thể giúp đỡ trong việc xây dựng các công trình công cộng, đào tạo kỹ năng nghề, cung cấp nguồn tài chính khởi nghiệp và khuyến khích các doanh nghiệp thuê lao động trong khu vực.

Bảo vệ quyền lợi và phát triển văn hóa: Chính phủ và các tổ chức khác nên bảo vệ quyền lợi của người dân tộc thiểu số di cư và đảm bảo rằng họ được tham gia đầy đủ vào các hoạt động

xã hội và kinh tế. Ngoài ra, cần phát triển các chương trình bảo vệ và phát triển văn hóa, truyền thống và tôn giáo của người dân tộc thiểu số di cư để giữ vững nền văn hóa đặc trưng của họ.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề người di cư tự do và tăng cường tình đoàn kết trong cộng đồng.

8. KẾT LUẬN

Trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, công tác giảm nghèo bền vững đối với vùng DTTS càng trở nên quan trọng. Nhận thức được vấn đề này, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế, xã

hội vùng DTTS và miền núi nói chung và người DTTS di cư nói riêng. Hiện nay giải pháp thoát nghèo cho người DTTS di cư tập trung chủ yếu vào các nội dung ổn định di cư tự do, sinh kế và giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển văn hoá. Những giải pháp này đã mang đến nhiều cải thiện về kinh tế xã hội ở các vùng DTTS tại Tây Nguyên. Mặc dù vậy, đời sống của người DTTS vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế xã hội khu vực DTTS vẫn còn kém phát triển, nghèo đói.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện các giải pháp giảm nghèo cho người DTTS di cư trong đó gồm quá trình hoạch định chính sách, bản chất chính sách, tình hình thực thi các chương trình chính sách, điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và yếu tố thuộc về chủ thể tiếp nhận.

Chính vì vậy cần quan tâm và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ổn định cho người DTTS nói chung và người DTTS di cư nói riêng để hạn chế các tác động tiêu cực từ di cư tự do và giảm nghèo. Một số gợi ý chính sách thoát nghèo bền vững cho người DTTS di cư đến Tây Nguyên: tiếp tục hoàn thiện và thực thi các chính sách giảm nghèo, bên cạnh đó nên tăng cường sự tham gia của người DTTS trong xây dựng và triển khai chính sách, phối hợp với các tổ chức xã hội, tôn giáo của người DTTS để đảm bảo các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát triển, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di cư tự do và tăng cường tình đoàn kết trong cộng đồng người DTTS Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Agza M. (2020). The Impact of Migration on Multidimensional Poverty in Gurage Zone, Snnpr, Ethiopia. *International journal of creative research thoughts*. 8(6):144-165.

Alexandra Winkels (2014). Migration, Social Networks and Risk: The Case of Rural-to-Rural Migration in Vietnam. *Journal of Vietnamese Studies*. 7(4): 92-121.

Anirudh Krishna (2004). Escaping Poverty anh Becoming Poor: Who gain, who lose and Why? *World Development*. 32(1): 121-136.

ADB (Asian Development Bank) (2014). Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống đói nghèo ở châu Á và Thái Bình Dương. Truy cập từ <https://www.adb.org/vi/>

documents/enhancing-fight-against-poverty-asia-and-pacific-poverty-reduction-strategy-asian ngày 10/2/2023.

Baulch B. & Vu Hoang Dat (2012). Exploring the Ethnic Dimensions of Poverty in Vietnam. Evaluation report about poverty. 5.

Bernard A., Perales F. (2021). Is Migration a Learned Behavior? Understanding the Impact of Past Migration on Future Migration. *Population and Development Review*. 47(2): 449-474.

Benjamin D., Brandt L., McCaig B. & Lê Hoa N. (2018). Program participation in a targeted land distribution program and household outcomes: evidence from Vietnam. *Review Economic Household*. 16(1): 41-74.

CIRUM (2011). Báo cáo nghiên cứu về Vai trò của luật tục và tập quán trong quản lý và sử dụng tài nguyên rừng và nước. Truy cập từ <https://data.vietnam.opendevlopmentmekong.net/vi/dataset/the-role-of-customary-law-and-practices-in-forest-and-water-resources-management-and-use> ngày 01/02/2023.

Chu Tiến Quang (2011). Nghèo và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội

De Haan Arjan & Shahin Yaqub (2010). Migration and Poverty: Linkages, knowledge gaps and policy implication. *South-south migration*. Springer Press. pp. 190-219.

Du Yang, Albert Park & Sangui Wang (2005). Migration and rural poverty in China. *Journal of Comparative economics*. 33(4): 688-709.

Đàm Thị Hệ (2017). Sinh kế của hộ nông dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Luận án tiến sĩ Kinh tế phát triển. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Đặng Nguyên Anh (2015). Dân số và di dân trong phát triển bền vững Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. 8: 33-36.

Đậu Tuấn Nam (2013). Di cư của người H'mông từ đời mới đến nay. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

Đình Quang Hà (2013). Di dân tự do ở Việt Nam: Thực trạng và Giải pháp. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. 11(72): 66-74.

Đỗ Văn Hòa & Trịnh Khắc Thâm (1999). Nghiên cứu di dân ở Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Farrington J. & Slater R. (2006). Introduction: Cash Transfers: Panacea for Poverty Reduction or Money Down the Drain? *Development Policy Review*. 24(5): 499-511.

Haan A.D. (2000). Migrants, livelihoods, and rights: the relevance of migration in development policies. London, UK: Social Development Working paper. 4.

Hà Hùng (2014). Nghiên cứu thực trạng, đề xuất các giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Đề tài trọng điểm cấp bộ của Ủy ban dân tộc. Truy cập từ <https://sti.vista.gov.vn/tw/Pages/nhiem-vu-dth.aspx?ItemID=68676&>

- Type_CSDL=KETQUANHIEMVU&Keyword= & search In Fields=Title&datasearch=[%7B%22Field Search%22:%22Keyword_Chinh%22,%22Keyword %22:%22Tây%20Bắc%22,%22Operator%22:%22AND%22%7D]&ListCoQuanChuQuan=&dsloai=&ListLinhVuc_Ma= ngày 05/01/2023.
- Hà Việt Hùng (2019). Thực trạng và xu hướng di cư của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học: Nghiên cứu chính sách và Quản lý*. 35(3): 68-76.
- Hue Thi Hoang, Thanh Phuong Tran, Anh Hai Le, Trang Do Thien Nguyen & Nguyen Hong Phuong (2021). The impact of migration on income poverty: A case study in Vietnam. *Research review International Journal of Multidisciplinary*. 6(4): 17-23.
- Hồ Ngọc Ninh, Trần Đình Thao, Trần Hương Giang, Đỗ Trường Lâm, Nguyễn Văn Huân & Nguyễn Phùng Quân (2022). Chính sách và giải pháp cơ bản giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam: từ lý luận đến thực tiễn. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp.
- IOM (2011). Giải thích thuật ngữ về di cư. Nhà xuất bản Tổ chức Di cư quốc tế.
- Ivan Etzo (2008). Internal migration: a review of literature. MPRA Paper No. 8783.
- McCarthy N., Carletto C., Davis B. & Maltsoğlu I. (2006). Assessing the impact of massive out-migration on agriculture. *ESA Working Paper No. 06-14*.
- Lê Du Phong, Đặng Cảnh Khanh & Lê Văn Cường (2009). Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay. Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
- Liên hợp quốc (2008). Tuyên bố Liên hợp quốc 6/2008. Truy cập từ <https://giamngheo.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/137140/Tuyen-truyen-ve-giam-ngheo-ben-nham-hien-thuc-hoa-chu-truong-cua-dang-va-Nha-nuoc--bao-dam-an-sinh-xa-hoi.html> ngày 01/02/2023.
- Ngân hàng châu Á (2004). Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống đói nghèo ở Châu Á và Thái Bình Dương: Chiến lược giảm nghèo của Ngân hàng phát triển Châu Á. Truy cập từ <https://www.adb.org/vi/documents/enhancing-fight-against-poverty-asia-and-pacific-poverty-reduction-strategy-asian> ngày 03/02/2023.
- Nguyen Cuong Viet, Marrit Van den Berg & Robert Lensik (2011). The impact of work and non-work migration on household welfare, poverty and inequality. *Economic of Transision*. 19(4).
- Nguyễn Đình Tấn (2020). Báo cáo kết quả đề tài: Di dân của các dân tộc thiểu số: Những vấn đề đặt ra và giải pháp. Truy cập từ <http://ctdt.ubdt.gov.vn/de-tai/de-tai-dang-thuc-hien/de-tai-di-dan-cua-cac-dan-toc-thieu-so-nhung-van-de-dat-ra-va-giai-phap-ma-so-de-tai-ctdt-09-17-16-20.htm> ngày 30/01/2023.
- Nguyễn Văn Dư (2018). Vai trò của đất sản xuất đối với việc xoá đói giảm nghèo ở khu vực Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh*. 61(4): 94-106.
- Nguyễn Thị Hoài Thu (2019). Tác động của di cư trong nước đến giảm nghèo tại Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Kinh tế học. Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Thu Trang (2022). Di cư nội địa của các tộc người thiểu số - nhìn từ lý thuyết lực hút- lực đẩy đến chính sách dân tộc. *Tạp chí Chiến lược và Chính sách dân tộc*. 11(1): 23-28.
- Peer Vries (2013). *Escaping poverty: The origins of modern economic growth*. Vienna University Press.
- Sen S.A. (1997). *Concepts of Human Development and Poverty: A Multidimensional Perspective*. Human Development Paper. pp. 1-19.
- Stark O. (1991). *The migration of labour*, Cambridge, Mass. Harvard University Press UK: IDS.
- The Migration Conference Team (2022). *The Migration Conference 2022: Abstracts Book*. Transnation Press London.
- Trần Đình Thao (2020). Báo cáo kết quả đề tài: Giải pháp cơ bản nhằm giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030. Truy cập từ [http://files.ubdt.gov.vn/files/ecm/source_files/2021/04/07/09012371_43.BCTT_Giam%20ngheo%20DT_TS_Final%20\(Nop\)_21-04-07.pdf](http://files.ubdt.gov.vn/files/ecm/source_files/2021/04/07/09012371_43.BCTT_Giam%20ngheo%20DT_TS_Final%20(Nop)_21-04-07.pdf) ngày 05/01/2023
- Tổ chức Di cư thế giới (2022). Báo cáo Di cư thế giới. Truy cập từ <https://vietnam.iom.int/vi/resources/bao-cao-di-cu-gioi-nam-2022> ngày 01/02/2023
- Ủy Ban dân tộc (2017). Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Truy cập từ https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/07/01-Bao-cao-53-dan-toc-thieu-so-2019_ban-in.pdf ngày 03/02/2023.
- Võ Thị Mai Phương, Hoàng Hữu Bình, Nguyễn Hồng Vỹ & Hoàng Lệ Nhật (2018). Thực trạng di cư tự phát của người Mông ở Đắk Lắk và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*. 23: 21-27.
- WB (Ngân hàng thế giới) (2012). Báo cáo đánh giá nghèo tại Việt Nam: Khởi đầu tốt, nhưng chưa phải đã hoàn thành: Thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong giảm nghèo và những thách thức mới. Truy cập từ <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/318311468127160128/bao-cao-danh-gia-ngheo-viet-nam-2012-khoi-dau-tot-nhung-chua-phai-da-hoan-thanh-thanh-tuan-tuong-cua-viet-nam-trong-giam-ngheo-va-nhung-thach-thuc-moi> ngày 10/2/2023.
- WB (2018). Bước tiến mới: giảm nghèo và thịnh vượng chung tại Việt Nam. Truy cập từ https://documents1.worldbank.org/curated/en/826021522843528151/pdf/124916-WP-PUBLIC-VITENAMESE-P161323-Vietnam_PovertyUpdateReportVIE.pdf ngày 10/2/2023.
- Zhao Yaohui (2002). Cause and consequences of return migration: recent evidence from China. *Journal of Comparative economics*. 30(2): 376-394.